

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1824** /BKHCN-TCCB

V/v phối hợp xây dựng phương án quy
hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công
lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch ngành quốc gia), Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan phối hợp thực hiện nhiệm vụ ***“Lập Phương án quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”*** (sau đây gọi tắt là Phương án Quy hoạch) để đóng góp vào quy hoạch chung quốc gia. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa điều chỉnh toàn bộ hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới, đồng thời là một nội dung để tích hợp vào các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan quan tâm, chỉ đạo, bố trí các nguồn lực (kinh phí, nhân lực,...) và cung cấp các thông tin cho việc thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Cụ thể:

1. Tổ chức triển khai thực hiện theo các bước:

(1) Xây dựng dự thảo Phương án Quy hoạch (theo Đề cương gửi kèm theo Công văn này);

(2) Lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) Hoàn thiện Phương án Quy hoạch được đề xuất.

2. Tiến độ thực hiện: Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan gửi Phương án Quy hoạch về Bộ Khoa học và Công nghệ **trước ngày 30/10/2021** để tham gia vào Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ quốc gia, báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Đề nghị Quý Cơ quan gửi thông tin (tên, số điện thoại, địa chỉ email) đơn vị và cán bộ đầu mối chủ trì xây dựng Phương án Quy hoạch về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 30/7/2021.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Khoa học và Công nghệ, số điện thoại 024.35560618, 0913522745 (bà Nguyễn Thị Thúy Hiền).

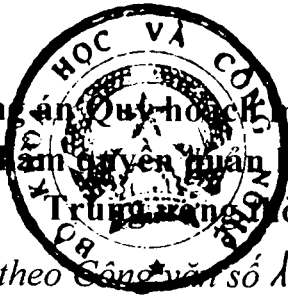
Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp của Quý Cơ quan./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt (để b/c);
- TT Trần Văn Tùng;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố (t/h);
- Lưu: VT, TCCB.



Trần Văn Tùng



Đề cương

Phương án Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(kèm theo Công văn số 1824 /BKHCN-TCCB ngày 12 tháng 7 năm 2021)

Căn cứ hướng dẫn tại: khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch; Điều 23 và Mục X Phụ lục II Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 1399/BKHCN-ĐTĐ ngày 31/5/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI KHẢO SÁT LẬP PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

1. Đối tượng, phạm vi khảo sát

Mặc dù đối tượng lập quy hoạch theo quy định là ***các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*** (sau đây viết tắt là Tỉnh) tuy nhiên để có cơ sở thực tiễn, luận cứ; cơ sở dữ liệu về hệ thống tổ chức, tiềm lực, năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo của địa phương phục vụ cho việc lập quy hoạch và công tác quản lý nhà nước, đề nghị các Tỉnh tiến hành mở rộng đối tượng, phạm vi khảo sát là ***các tổ chức được cấp giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ*** (sau đây viết tắt là KH&CN) trên địa bàn Tỉnh bao gồm: tổ chức KH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức KH&CN trong bệnh viện; tổ chức KH&CN trong doanh nghiệp (gồm: tổ chức KH&CN công lập; tổ chức KH&CN ngoài công lập¹). Trong trường hợp Tỉnh thấy cần thêm dữ liệu để đánh giá về tiềm lực phát triển tổ chức KH&CN của Tỉnh, có thể tiến hành khảo sát thêm các tổ chức triển khai hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo; bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

¹ Các trường hợp sau đây đề nghị trao đổi thêm với Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ KH&CN để thống nhất phương án khảo sát, nội dung thông tin cần khảo sát nhằm bảo đảm tính khả thi khi triển khai khảo sát và cung cấp đầy đủ thông tin về năng lực và tiềm lực của các tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh: (1) Tỉnh có số lượng lớn các tổ chức KH&CN ngoài công lập, (2) có số lượng lớn các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành có mặt trên địa bàn Tỉnh, (3) tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành có mặt trên địa bàn Tỉnh có tổ chức KH&CN trực thuộc và thuộc.

2. Đối tượng lập quy hoạch

Các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh.

NỘI DUNG

Phần I. Các văn bản chỉ đạo, chiến lược, quy hoạch của địa phương

Nêu các văn bản chỉ đạo, chiến lược, quy hoạch của địa phương (nếu có), gồm:

- Văn kiện, Nghị quyết của Tỉnh ủy/Thành ủy;
- Các văn bản chỉ đạo của UBND cấp tỉnh;
- Các chiến lược, quy hoạch phát triển có liên quan của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Tỉnh).

Phần II. Báo cáo về mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

I. Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh tác động đến mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh

1.1 Bối cảnh trong và ngoài nước

- Nhận định bối cảnh trong, ngoài nước đối với việc phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn phát triển tới.
- Đánh giá về liên kết ngành, liên kết giữa các tỉnh trong phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh.
- Yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đối với việc phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN trong kỳ quy hoạch.
- Dự báo xu thế phát triển, kịch bản phát triển và biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh.

1.2 Bối cảnh hoạt động KH,CN&ĐMST tại địa phương

- Phân tích, đánh giá về thực trạng hoạt động KH,CN&ĐMST trên địa bàn Tỉnh (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức).
- Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh (về ưu đãi đối với tổ chức KH&CN công lập; về tổ chức thực hiện chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân lực KH,CN&ĐMST; về các nguồn lực dành cho hoạt động KH,CN&ĐMST;...).
- Phân tích, đánh giá các chính sách về nguồn lực và sự phối hợp giữa các

ngành, lĩnh vực nhằm phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh.

- ...

II. Đánh giá hiện trạng hệ thống tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh

2.1 Phân tích, đánh giá về vai trò của các tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh trong phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh.

2.2 Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan đến mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 (nếu có).

2.3 Phân tích cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh.

- Theo cơ cấu: theo loại hình sở hữu (công lập, ngoài công lập, có vốn đầu tư nước ngoài); cơ cấu theo cơ quan quản lý (trung ương, địa phương, doanh nghiệp); cơ cấu theo lĩnh vực hoạt động (6 lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên; Khoa học Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Y dược; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học Xã hội; Khoa học Nhân văn); cơ cấu theo chức năng (gồm: tổ chức nghiên cứu cơ bản; tổ chức nghiên cứu ứng dụng; tổ chức dịch vụ KH&CN. Lưu ý bao gồm các hoạt động đổi mới sáng tạo); cơ cấu theo mức độ xã hội hóa dịch vụ công (gồm: tổ chức phục vụ quản lý nhà nước; tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; tổ chức phục vụ công ích của nhà nước).

- Theo quy mô tổ chức: nhân lực; thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị; tài chính (tính trong 5 năm 2016-2020).

- Theo năng lực nghiên cứu phát triển, cung ứng dịch vụ KH, CN & ĐMST;

- Đánh giá, phân tích vị thế, vai trò của từng tổ chức KH&CN trong tỉnh và trong tương quan với liên kết vùng.

- Thực trạng tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập.

Số liệu về hiện trạng mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc tại Biểu 1 đến 5, được tổng hợp từ Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm (theo Mẫu 18 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ)

2.4 Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới tổ chức KH&CN công lập của thời kỳ quy hoạch trước (2016-2020)

- Phân tích, đánh giá thực trạng phân bố, sử dụng không gian của mạng lưới

tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh thời kỳ quy hoạch trước

- Đánh giá tính hợp lý và xác định các vấn đề mâu thuẫn, điểm xung đột trong bố trí mạng lưới tổ chức KH&CN công lập của thời kỳ quy hoạch trước; Xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức...

Phần III. Báo cáo quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

I. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

1.1 Quan điểm phát triển

1.2 Mục tiêu phát triển

Từ quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch tại Quyết định số 279/QĐ-TTg, nêu những nội dung cụ thể hóa, đặc thù của địa phương về quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

II. Phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân Tỉnh

Phương án quy hoạch các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh được phân kỳ theo hai giai đoạn: 2021-2030, 2031-2050. Cụ thể như sau:

2.1 Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN công lập: về tăng, giảm số lượng tổ chức; về điều chỉnh quy mô các tổ chức; về điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, vị trí pháp lý của các tổ chức; về nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập; ...

Tổng hợp về Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 6.

2.2 Phương án đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập.

2.3 Phương án phân bổ không gian các tổ chức KH&CN công lập theo đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Tổng hợp về Phương án phân bổ không gian các tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 7.

2.4 Phương án bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập và các hoạt động KH, CN & ĐMST.

Tổng hợp về Phương án bố trí sử dụng đất cho các tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 8.

III. Đề xuất Danh mục dự án² cấp quốc gia, cấp Tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

3.1 Xác định các tiêu chí ưu tiên đầu tư

Các tiêu chí cần bám sát quy định về các dự án nhóm A, B, C theo Luật Đầu tư công.

3.2 Đề xuất danh mục các dự án theo thứ tự ưu tiên

Mỗi dự án mô tả theo các nội dung sau:

1. Tên dự án
2. Sự cần thiết đầu tư
3. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi đầu tư và nội dung đầu tư
4. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư
5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu

² Một số loại hình dự án đầu tư công ngành KH, CN & ĐMST có thể đề xuất ưu tiên đầu tư trên địa bàn các tỉnh bao gồm:

- Các dự án tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển KH, CN & ĐMST. Ví dụ: Các dự án đầu tư, xây dựng: Khu phát triển công nghệ, Khu đổi mới sáng tạo, Khu nghiên cứu phát triển địa phương; Khu ươm tạo công nghệ, phát triển doanh nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ; Khu thí nghiệm, thử nghiệm; Khu chia sẻ thiết bị dùng chung; Khu kiểm định kiểm chuẩn sản phẩm....

- Các dự án tăng cường nguồn lực mạng lưới, thông tin, truyền thông phục vụ phát triển KH, CN & ĐMST. Ví dụ: Các dự án Công viên khoa học; bảo tàng KH, CN & ĐMST, Trung tâm thông tin khoa học; Sàn giao dịch công nghệ; Khu triển lãm trưng bày công nghệ; Không gian đổi mới sáng tạo; Các không gian hoặc khu vực ươm tạo, phát triển công nghệ địa phương...

- Các dự án phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường KH&CN trên địa bàn Tỉnh hoặc liên Tỉnh, liên vùng. Ví dụ: sàn giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến chuyển giao công nghệ, trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; tổ chức thẩm định, giám định công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo; trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,...

- Các dự án liên ngành, liên lĩnh vực lấy KH, CN & ĐMST làm nền tảng trên địa bàn tỉnh...

- Các dự án đặc thù thuộc ngành KH, CN & ĐMST. Ví dụ: Các dự án liên quan đến An toàn bức xạ; Sở hữu trí tuệ; Đo lường kiểm định kiểm chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn đo lường chất lượng... phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương...

- ...

Mỗi dự án cần phân định được nhu cầu đầu tư, các tiêu chí lựa chọn đầu tư, quy mô đầu tư, phạm vi và nguồn vốn, hình thức đầu tư theo điều kiện, đặc điểm của mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả

Tổng hợp Danh mục dự án đầu tư theo Biểu 9.

IV. Giải pháp thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về cơ chế, chính sách
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp về khoa học và công nghệ
- Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển
- Giải pháp về giáo dục tuyên truyền, truyền thông
- Giải pháp về hợp tác quốc tế
- Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư
- Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Phần IV Cơ sở dữ liệu để phục vụ tích hợp trong Quy hoạch chung của ngành

Đối với các địa phương đã triển khai xây dựng quy hoạch Tỉnh, đã có các dữ liệu trong quy hoạch tỉnh, đề nghị cung cấp các bản đồ, sơ đồ để tích hợp trong quy hoạch ngành quốc gia như sau: Bản đồ số và bản đồ in (tỷ lệ theo quy định tại mục IV Phụ lục 1 của Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ) gồm:

- Bản đồ hiện trạng các tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh.
- Bản đồ quy hoạch các tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh.
- Bản đồ bố trí không gian các dự án ưu tiên đầu tư ngành KH&CN trên địa bàn Tỉnh.
- Một số sơ đồ, bản đồ chi tiết các dự án, đề án trọng điểm của ngành KH&CN trên địa bàn Tỉnh (nếu có).

Biểu 1: Tổng quan hiện trạng của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (thời điểm năm 2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu ³	Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ ⁴	Phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính ⁵
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh				
1	Tổ chức KH&CN công lập				
-	Tổ chức 1				
-	Tổ chức n				
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có)				
-	Tổ chức 1				
-	Tổ chức n				
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập				
-	Tổ chức 1				
-	Tổ chức n				
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh				
-	Tổ chức 1				
-	Tổ chức n				

³ Theo các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên; Khoa học Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Y dược; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học Xã hội; Khoa học Nhân văn.

⁴ Theo phân loại tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN, gồm các tổ chức khoa học và công nghệ: phục vụ quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; phục vụ công ích của nhà nước.

⁵ Theo phân loại tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKH&CN, gồm các Tổ chức khoa học và công nghệ: tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Biểu 2: Hiện trạng nhân lực của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (thống kê năm 2020)

[illegible]

**Biểu 3: Hiện trạng cơ sở vật chất-kỹ thuật của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh
(thống kê năm 2020)**

TT	Tên tổ chức KH&CN	Diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Tổng giá trị tài sản cố định (triệu đồng)	Ghi chú
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh				
1	Tổ chức KH&CN công lập				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có)				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh				
-	<i>Tổ chức 1</i>				
-	<i>Tổ chức n</i>				

Biểu 4: Hiện trạng tài chính của các tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh
(thống kê năm 2020)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên tổ chức KH&CN	Tổng kinh phí chi thường xuyên	Tổng kinh phí do thực hiện chương trình, đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở	Tổng kinh phí cho đầu tư phát triển	Tổng kinh phí thu sự nghiệp ⁶	Tổng doanh thu	Số tiền nộp thuế	Thu nhập bình quân tháng/đầu người	Ghi chú
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh								
1	Tổ chức KH&CN công lập								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có)								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh								
-	<i>Tổ chức 1</i>								
-	<i>Tổ chức n</i>								

⁶ Tổng kinh phí thu sự nghiệp thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu

Biểu 5: Hiện trạng tình hình hoạt động của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn Tỉnh
(thống kê trong giai đoạn 2016-2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số lượng Đề tài, dự án thực hiện	Số lượng Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	Số lượng Bằng sáng chế độc quyền được cấp	Số lượng Bằng giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	Số lượng đối tác quốc tế
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh							
1	Tổ chức KH&CN công lập							
-	<i>Tổ chức l</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có)							
-	<i>Tổ chức l</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập							
-	<i>Tổ chức l</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh							
-	<i>Tổ chức l</i>							
-	<i>Tổ chức n</i>							

**Biểu 6: Phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh giai đoạn 2021-2030
tầm nhìn đến năm 2050**

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2021: tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2030: tổ chức, tăng/giảm tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2050: tổ chức, tăng/giảm tổ chức

Chi tiết:

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030							Giai đoạn 2031-2050							Ghi chú
		Mức độ tự chủ ⁷	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					Mức độ tự chủ	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					
				Giảm ⁸	Thành lập mới ⁹	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ	Thay đổi vị trí pháp lý ¹⁰	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần			Giảm	Thành lập mới	Thay đổi về quy mô	Thay đổi vị trí pháp lý	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	Tổng cộng															

Ghi chú: cột (4) đến (7), cột (8) đến (9), cột (11) đến (14), cột (16) đánh dấu (x) vào ô tương ứng

⁷ Theo 4 mức độ tự chủ tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN. Ghi theo 4 mức độ như sau: (a) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; (b) tự bảo đảm chi thường xuyên; (c) tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (d) do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

⁸ Giảm do giải thể hoặc bị sáp nhập, hợp nhất

⁹ Gồm các trường hợp: thành lập mới, hoặc hình thành tổ chức mới trên cơ sở hợp nhất các tổ chức hiện có.

¹⁰ Còn được gọi là thay đổi cơ quan chủ quản trực tiếp. Ghi rõ tên cơ quan chủ quản trực tiếp mới (nếu có thay đổi này).

Biểu 7: Phương án quy hoạch phân bố không gian các tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2050				Ghi chú
		Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian			Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian			
			Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)		Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng cộng									

Ghi chú: - cột (3) và cột (7) đánh dấu (x) vào ô tương ứng;

- cột (4) đến (6), cột (8) đến (10) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm để dấu (-).

**Biểu 8: Phương án quy hoạch bố trí sử dụng đất của các tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh
giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050**

Đơn vị tính m²

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2031-2050		Ghi chú
		Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng	Giữ ổn định về diện tích đất sử dụng	Thay đổi về diện tích đất sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng					

Ghi chú: cột (3) đến (6) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm để dấu (-).

Biểu 9: Danh mục dự án đầu tư phát triển cấp quốc gia, cấp Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch

Thứ tự ưu tiên	Tên dự án	Mục tiêu	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
Giai đoạn 2021-2030					
<i>1</i>					
<i>2</i>					
<i>...</i>					
Giai đoạn 2031-2050					
<i>1</i>					
<i>2</i>					
<i>...</i>					